

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17 /2016/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về các khoản đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với học viên tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; chế độ hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ qui định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTĐ-BXHX-BYT-BCA ngày 10 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ: Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng; Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐ-BXHX ngày 08 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 18/TTr - SLĐTĐ-BXHX ngày 03 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về các khoản đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với học viên tại Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội và người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; chế độ hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với

CÔNG VĂN BẢN SỐ 451
Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan, triển khai thực hiện, theo dõi và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ 01 tháng 05 năm 2016 và bãi bỏ Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh. *T.N*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động – TBXH (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- Các Sở, ngành: Y tế, Tư pháp, Công an tỉnh; Đài PTTH tỉnh; Báo Đắk Lắk; Công TTĐT của tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Các PCVP;
 - + TH, NC; KT; TTCB;
- Lưu VT, KGVX.H.

46

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Về các khoản đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với học viên tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; chế độ hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2016/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người chữa trị cai nghiện ma túy tự nguyện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi là Trung tâm) và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; chế độ hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Chế độ đối với học viên cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm

Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, được quy định cụ thể như sau:

1. Tiền ăn: 30.000 đồng/học viên/ngày, ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán học viên được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Tiền thuốc cắt cơn: 650.000 đồng/học viên/đợt cai nghiện (trừ trường hợp đã được hỗ trợ điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của tổ chức xã hội).

3. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: 600.000 đồng/học viên/năm.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/học viên/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.

6. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS và an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên: 1.000.000 đồng/tháng/toàn thể học viên.

7. Tiền học nghề: Thực hiện theo Khoản 7, Điều 5, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội. Thời gian học và mức hỗ trợ cho từng nghề, căn cứ vào Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp nghề miễn phí cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

8. Đối với học viên bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm 100.000 đồng/học viên/tháng tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (trừ tiền ăn, tiền thuốc chữa trị cai nghiện).

9. Chi phí mai táng: 5.400.000 đồng/người.

10. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/học viên/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 3 ngày;

- Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

11. Các khoản chi khác:

- Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên, mức: 50.000 đồng/học viên/năm.

- Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch: 10.000 đồng/học viên/tháng.

Điều 4. Các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm, trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này, bao gồm:

a) Tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày, Ngày lễ, Tết dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 650.000 đồng/người/đợt cai.

c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 100.000 đồng/người/đợt cai.

d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/đợt cai.

đ) Học văn hoá, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): 3.000.000 đồng/khóa/học viên.

e) Điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/học viên /tháng.

g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 1.000.000 đồng/đợt cai.

h) Phục vụ, quản lý: 2.000.000 đồng/đợt cai.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy tại Trung tâm chưa đủ tuổi thành niên (từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi); người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo; người thuộc đối tượng gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; người thuộc diện bảo trợ xã hội được giảm 50% các khoản đóng góp quy định tại Khoản 1, Điều này.

b) Thủ tục, hồ sơ miễn, giảm:

- Người thuộc đối tượng được miễn, giảm gửi Giám đốc Trung tâm 01 bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau:

Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh (đối với người chưa đủ tuổi thành niên).

Phiếu xét nghiệm nhiễm HIV/AIDS của cơ sở y tế (đối với người bị nhiễm HIV/AIDS).

Giấy chứng nhận hộ nghèo của Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi cư trú (đối với người thuộc diện hộ nghèo).

Giấy chứng nhận hộ cận nghèo của Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi cư trú (đối với người thuộc diện hộ cận nghèo).

Quyết định về việc trợ cấp hàng tháng hoặc 01 lần đối với người có công với Cách mạng (đối với người thuộc đối tượng gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng).

Quyết định trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội của cấp có thẩm quyền (đối với người thuộc diện bảo trợ xã hội).

- Kết quả thực hiện việc miễn, giảm: Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm thực hiện việc miễn, giảm và thông báo bằng văn bản đến các đối tượng được miễn, giảm.

Điều 5. Các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Chế độ đóng góp

Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng (hoặc gia đình của họ) có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này), bao gồm:

a) Tiền ăn thời gian cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, chữa bệnh thông thường: 650.000 đồng/đợt cai.

c) Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 100.000 đồng/đợt cai

2. Chế độ miễn, giảm

Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc diện hộ cận nghèo; dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới được miễn đóng góp tiền ăn trong thời gian cắt cơn và được giảm tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, chữa bệnh thông thường với mức 300.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định quĩ định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều này.

3. Chế độ hỗ trợ

a) Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

4. Thủ tục miễn, giảm và hỗ trợ

- Người thuộc đối tượng được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này gửi Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi tổ chức cai nghiện ma túy 01 bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau:

Giấy chứng nhận hộ cận nghèo của Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi cư trú (đối với người thuộc diện hộ cận nghèo)

Sổ hộ khẩu gia đình (đối với đối tượng là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới).

Giấy chứng nhận hộ nghèo của Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi cư trú (đối với người thuộc diện hộ nghèo).

Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh (đối với người chưa đủ tuổi thành niên).

Quyết định về việc trợ cấp hàng tháng hoặc 01 lần đối với người có công với Cách mạng (đối với người thuộc đối tượng gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng).

Quyết định trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội của cấp có thẩm quyền (đối với người thuộc diện bảo trợ xã hội).

Giấy xác nhận khuyết tật của cấp có thẩm quyền (đối với người khuyết tật).

- Kết quả thực hiện việc miễn, giảm và hỗ trợ: Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi tổ chức cai nghiện có trách nhiệm thực hiện việc miễn, giảm, hỗ trợ và thông báo bằng văn bản đến các đối tượng được miễn, giảm và hỗ trợ.

Điều 6. Số lượng, mức chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Số lượng cán bộ theo dõi, quản lý

Mỗi xã, phường, thị trấn có tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ công tác cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) để giúp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, với số lượng như sau:

a) Đối với xã có dưới 20 người cai nghiện, Tổ công tác gồm 07 người.

b) Đối với xã có từ 20 người cai nghiện trở lên, cứ thêm 03 người cai nghiện thì thêm 01 người tham gia Tổ công tác.

Căn cứ nơi cư trú của người cai nghiện, Tổ công tác bố trí các thành viên tại tổ dân phố, thôn, buôn để thuận tiện cho công tác quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

2. Mức hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý

Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, mức 350.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy định này. *t. n*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị